

Số: 34 /TB-TTPTQĐ

Krông Năng, ngày 28 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v đấu giá quyền sử dụng đất đối với 41 thửa đất
tại trung tâm xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Thông báo số 396/TB-TTĐG ngày 21/11/2019 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Đắk Lắk.

Nhằm thông tin rộng rãi về đấu giá quyền sử dụng đất tại trung tâm xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Năng trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân thông tin về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 41 (bốn mươi một) thửa đất, cụ thể như sau:

- Tổng số thửa đất: 41.
- Loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Hình thức: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

(Chi tiết về thông tin các thửa đất tại Phụ lục đính kèm).

Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá; Thời gian, địa điểm bán hồ sơ và cách thức đăng ký tham gia đấu giá; Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá; Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá; Hình thức, phương thức đấu giá theo Thông báo số 396/TB-TTĐG ngày 21/11/2019 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Đắk Lắk (đính kèm).

Lưu ý: Nhờ UBND các xã, thị trấn phát thông tin trên Đài truyền thanh của đơn vị mình để nhân dân trên địa bàn được biết và tham gia.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- VP HĐND&UBND huyện (để đăng tin);
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Lương Quang Pháp

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Địa điểm: Trung tâm xã Ea Tam, huyện Krông Năng

(Kèm theo Thông báo số 34 /TB-TTPTQĐ ngày 28/11/2019 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

Stt	Ký hiệu thửa đất	Tờ bản đồ địa chính	Diện tích/m ²	Giá khởi điểm/đồng	Tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)
1	346	28	151,3	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
2	347	28	151,5	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
3	380	28	151,8	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
4	381	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
5	392	28	151,5	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
6	393	28	151,3	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
7	394	28	151,5	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
8	395	28	151,5	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
9	401	28	146,9	119.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
10	402	28	151,6	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
11	403	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
12	404	28	151,7	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
13	413	28	151,2	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
14	426	28	151,2	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
15	427	28	151	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
16	428	28	151	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
17	429	28	151,1	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
18	433	28	151,1	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
19	434	28	151,1	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
20	436	28	151	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
21	448	28	151,1	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
22	449	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
23	450	28	151,3	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
24	451	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
25	456	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
26	457	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
27	458	28	151,5	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
28	459	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
29	460	28	151,3	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
30	466	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
31	467	28	151,4	123.000.000	100.000	24.600.000	5.000.000
32	405	28	150,9	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
33	406	28	150,9	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
34	407	28	151	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
35	416	28	151	112.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
36	419	28	151	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
37	420	28	151	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
38	468	28	151,5	112.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
39	474	28	151,5	112.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
40	475	28	151	111.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000
41	476	28	151,2	112.000.000	100.000	22.200.000	5.000.000



Đắk Lắk, ngày 21 tháng 11 năm 2019.

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk.

2. Người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Năng.

Địa chỉ: số 108 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

3. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất gồm 41 thửa đất tại Trung tâm xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. (Có bảng kê chi tiết kèm theo).

- Loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Hình thức: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

4. Tổng giá khởi điểm: 4.923.000.000 đồng (Bốn tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu đồng).

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Người tham gia đấu giá có thể tự tìm hiểu tài sản hoặc liên hệ với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản để được hướng dẫn xem tài sản từ ngày 02/12/2019 đến ngày 06/12/2019 (Trong giờ hành chính).

6. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước, bước giá: (Có bảng kê chi tiết kèm theo).

7. Thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (Trong giờ hành chính): Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 13/12/2019 tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá tại UBND xã Ea Tam, huyện Krông Năng vào ngày 13/12/2019.

b) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016 và quy định pháp luật liên quan thực hiện việc mua, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ.

Người tham gia đấu giá nộp hồ sơ kèm bản chụp giấy tờ tùy thân (mang theo bản chính để đối chiếu), giấy nộp tiền đặt trước theo quy định; người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 16/12/2019 tại Hội trường UBND xã Ea Tam, huyện Krông Năng.

9. Hình thức, phương thức đấu giá:

a) Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá tới đa không quá 03 (ba) vòng.

b) Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

** Các nội dung khác được quy định cụ thể tại Quy chế cuộc đấu giá*

Mọi chi tiết xin liên hệ tại các địa chỉ sau để được hướng dẫn chi tiết:

- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, địa chỉ: số 135 đường Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 0262.3954464;

- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Krông Năng; địa chỉ: 108 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 0262.3673218.

Nơi nhận:

- UBND huyện Krông Năng;
- Trung tâm PTQĐ huyện Krông Năng;
- UBND các xã (thị trấn) huyện Krông Năng;
- Trang TTĐT về tài sản công;
- Trang TTĐT tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, HSDG, (10b.N).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Thế Tạo

Bảng kê chi tiết các thửa đất đấu giá

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 296/TB-TTĐG ngày 21/11/2019)

STT	Ký hiệu thửa đất	Tờ bản đồ địa chính	Diện tích/m ²	Giá khởi điểm/đồng	Tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)
I	KHU B						
1	346	28	151.30	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
2	347	28	151.50	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
3	380	28	151.80	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
4	381	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
5	392	28	151.50	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
6	393	28	151.30	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
7	394	28	151.50	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
8	395	28	151.50	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
9	401	28	146.90	119,000,000	100.000	23,800,000	5.000.000
10	402	28	151.60	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
11	403	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
12	404	28	151.70	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
13	413	28	151.20	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
14	426	28	151.20	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
15	427	28	151.00	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
16	428	28	151.00	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
17	429	28	151.10	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
18	433	28	151.10	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
19	434	28	151.10	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
20	436	28	151.00	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
21	448	28	151.10	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
22	449	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
23	450	28	151.30	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
24	451	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
25	456	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
26	457	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
27	458	28	151.50	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
28	459	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
29	460	28	151.30	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
30	466	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
31	467	28	151.40	123,000,000	100.000	24,600,000	5.000.000
II	KHU C						
1	405	28	150.90	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000
2	406	28	150.90	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000

H
M
Đ
L
Đ
Đ

STT	Ký hiệu thửa đất	Tờ bản đồ địa chính	Diện tích/m ²	Giá khởi điểm/đồng	Tiền mua hồ sơ đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)
3	407	28	151.00	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000
4	416	28	151.30	112,000,000	100.000	22,400,000	5.000.000
5	419	28	151.00	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000
6	420	28	151.00	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000
7	468	28	151.50	112,000,000	100.000	22,400,000	5.000.000
8	474	28	151.50	112,000,000	100.000	22,400,000	5.000.000
9	475	28	151.00	111,000,000	100.000	22,200,000	5.000.000
10	476	28	151.20	112,000,000	100.000	22,400,000	5.000.000